

Phụ lục 63
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ KHÁNH BÌNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi Chú
1	Quốc lộ 91C		
	- Chi cục Hải quan - Đường tỉnh 957	4.620	
	- Thánh Thất Cao Đài - Chi cục Hải quan	2.800	
	- Ngã 3 Cây Dơi - Thánh Thất cao đài	2.928	
	- Đường dẫn cầu Long Bình - ngã 3 Cây Dơi	2.196	
	- Ranh Nhơn Hội, Khánh Bình - đường dẫn cầu Long Bình	1.708	
2	Tỉnh lộ 957		
	- Từ Cầu C3 - Ranh dưới Khu dân cư xã Khánh Bình	835	
	- Từ ranh dưới khu dân cư xã Khánh Bình - Ngã tư nhà thờ	1.670	
	- Ngã 4 Nhà thờ - Tiếp giáp khu dân cư ấp 2, xã Khánh Bình	2.600	
	- Từ đầu đường tỉnh 957 - hết khu dân cư ấp 2, xã Khánh Bình	6.380	
3	Đường trung tâm chợ thị trấn Long Bình (Chợ cũ): Suốt đường	5.280	
4	Đường Hữu Nghị: Quốc lộ 91C - bến phà CPC	4.400	
5	Đường cặp bờ sông Hậu: Võ Thị Sáu - cuối trạm hải quan	4.400	
6	Đường Võ Thị Sáu: Suốt đường	1.960	
7	Từ cầu đá - Cột Mốc biên giới 246 (1)	2.240	
8	Đoạn từ Quốc lộ 91C - mé sông đồn biên phòng 933: Suốt đường	2.240	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi Chú
9	Đường cặp Sông Bình Di: Đầu Đường tỉnh 957 - ranh Khánh Bình cũ	1.430	
10	Đường cặp bờ sông Hậu: Tiếp giáp đường Võ Thị Sáu - Thánh thất Cao Đài	1.105	
11	Đường Dòng Cây Đa: Suốt đường	1.430	
12	Đường cặp bờ sông Hậu: Thánh thất Cao Đài - ranh Khánh An cũ	780	
13	Đường dẫn cầu Long Bình: Suốt đường	1.708	
14	Đất ở nông thôn tại trung tâm hành chính xã Khánh An (Cũ)	4.750	
*	Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ		
15	Chợ Khánh An	5.000	
*	Tiếp giáp mặt tiền đường giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (sông Hậu, kênh cấp I, II)		
16	Đình Khánh Hòa đi lên - Tiếp giáp Quốc lộ 91C	1.464	
17	Đình Khánh Hòa đi xuống - Tiếp giáp Quốc lộ 91C	976	
18	Đường Vòng giữa Đường giao thông nông thôn - Cụm tuyến dân cư trung tâm xã khánh an cũ	976	
19	Đường Vòng Giữa (Cụm tuyến dân cư trung tâm xã Khánh An cũ - Đường giao thông nông thôn)	976	
20	Cua Bà Tợ - chợ ngã 3 Khánh Bình	701	
21	Chợ ngã 3 Khánh Bình - ranh thị trấn Long Bình cũ	1.169	
22	Cua Bà Tợ - Cầu C3 (cặp Sông Bình Di)	501	
23	Đầu chợ ngã 3 Khánh Bình - giáp ranh xã Nhơn Hội	501	
24	Cua Bà Tợ - Đường tỉnh 957	501	
25	Đường Bờ Bắc Búng Bình Thiên	401	
26	Đường số 27 khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình: đoạn tỉnh lộ 957 - đường số 15 khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình	2.600	Bổ sung
27	Đường số 29 khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình: tỉnh lộ 957 - đường số 15 khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình	2.600	Bổ sung

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi Chú
28	Đường mộ Chiến Sĩ: đoạn Quốc lộ 91c - tiếp giáp đất nông nghiệp (600 m)	780	Bổ sung
29	Lộ Nông Thôn An Khánh, đoạn: tiếp giáp Quốc lộ 91c - vào 300m	900	Bổ sung
30	Lộ Nông Thôn đường cặp sông Hậu (Chợ Khánh An Cũ- lộ Giao thông nông thôn)	500	Bổ sung
31	Ngã ba An Hoà Tự đến lộ giao thông nông thôn	976	Bổ sung
32	Khu Trung tâm Thương mại Thị trấn Long Bình		
	- Đường số 2	11.110	
	- Đường số 1	10.670	
	- Đường số 6	10.670	
	- Đường số 5	10.120	
	- Đường số 8	10.120	
	- Đường số 3, 4, 7	10.120	
33	Khu dân cư ấp 2, xã Khánh Bình		
	- Các nền tiếp giáp đường công viên khu dân cư	1.885	
	- Các nền còn lại	1.560	
34	Khu dân cư di dân tự do		
	- Dây mặt tiền đường số 6	1.080	
	- Các lô còn lại	756	
35	Cụm dân cư trung tâm xã Khánh An cũ		
	- Nền linh hoạt (kể cả các đường của khu dân cư)	854	
	- Nền cơ bản	488	
36	Cụm dân cư trung tâm xã Khánh Bình và trung tâm xã Khánh Bình mở rộng		

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi Chú
	- Nền linh hoạt (kể cả các đường của khu dân cư)	847	
	- Nền cơ bản	428	
37	Cụm dân cư ấp Vạt Lài xã Khánh Bình		
	- Nền linh hoạt (kể cả các đường của khu dân cư)	1.097	
	- Nền cơ bản	486	
38	Đất ở tại các lô nền khu vực UBND xã Khánh An cũ	2.928	
39	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	153	Bổ sung
40	Các tuyến đường khác có nền đường $< 3\text{m}$ được trải bê tông hoặc nhựa	122	Bổ sung
41	Các tuyến đường còn lại	102	

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
I	Khu vực: Ấp Tân Bình, ấp Tân Khánh, ấp Tân Thạnh				
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản (chỉ xác định một vị trí)	130			
2	Đất trồng cây lâu năm (chỉ xác định một vị trí)	195			
II	Khu vực: Ấp An Hòa, ấp An Khánh, ấp Khánh Hòa, ấp Thạnh Phú				
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản				
	- Tiếp giáp Quốc Lộ 91C	91	73		
	- Tiếp giáp đường dẫn cầu Long Bình	91	73		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Tiền)	59	47		
	- Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)	39			
2	Đất trồng cây lâu năm				
	- Tiếp giáp Quốc Lộ 91C	98	78		
	- Tiếp giáp đường dẫn cầu Long Bình	98	78		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Tiền)	65	52		
	- Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)	46			
III	Khu vực: Ấp Bình Di, ấp Búng Nhỏ, ấp Sa Tô, ấp Vạt Lài				
1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản				
	- Tiếp giáp đường tỉnh 957	83	61		

TT	Loại đất	Giá đất			Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	
	- Tiếp giáp đường dẫn cầu Long Bình	77	62		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Tiền)	55	44		
	- Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)	33			
2	Đất trồng cây lâu năm				
	- Tiếp giáp đường tỉnh 957	105	77		
	- Tiếp giáp đường dẫn cầu Long Bình	83	66		
	- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Tiền)	61	48		
	- Khu vực còn lại (chỉ xác định một vị trí)	39			

C. ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ CỬA KHẨU

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Tên khu	Giá đất	Ghi chú
1	Xã Khánh Bình	Khu thương mại – Dịch vụ Khánh Bình (Đất thương mại, dịch vụ)	982	
		Khu thương mại – Dịch vụ Khánh Bình (Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp)	841	